

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 28-08-2013
Số chứng thực: 4967, Quyền số: SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hoàng Diệp

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Đào Nam Hải	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Vũ Bá Ôn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Đinh Thái Hương	Thành viên
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Bà Nguyễn Minh Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Học	Thành viên (bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Đào Nam Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Nguyễn An Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2013)
Ông Bùi Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2013

Số: 352 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 23 tháng 8 năm 2013, từ trang 04 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE, VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 8 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0797-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÀU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.736.601.464.888	1.421.683.962.237
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		413.311.712.234	737.123.801.444
1. Tiền mặt tại quỹ	111		16.670.074.126	14.902.796.911
2. Tiền gửi ngân hàng	112		73.957.666.287	63.376.298.942
3. Tiền đang chuyển	113		1.220.000.000	44.705.591
4. Các khoản tương đương tiền	114		321.463.971.821	658.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	891.178.570.854	441.271.419.200
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		84.710.816.736	54.710.816.736
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		828.414.093.351	412.618.789.841
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(21.946.339.233)	(26.058.187.377)
III. Các khoản phải thu	130		353.296.288.230	186.254.032.616
1. Phải thu của khách hàng	131	6	335.661.366.899	160.114.415.579
2. Các khoản phải thu khác	138	7	35.760.107.266	42.850.535.992
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(18.125.185.935)	(16.710.918.955)
IV. Hàng tồn kho	140		14.549.644.664	13.469.160.192
1. Hàng tồn kho	141	9	14.549.644.664	13.469.160.192
V. Tài sản lưu động khác	150		64.265.248.906	43.565.548.785
1. Tạm ứng	151		49.546.949.627	31.055.330.846
2. Chi phí trả trước	152		13.019.090.379	10.743.095.039
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		124.043.100	124.043.100
4. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		1.575.165.800	1.643.079.800
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240+243)	200		615.036.063.019	650.771.376.898
I. Tài sản cố định	210		312.934.566.780	313.387.708.444
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	189.104.908.555	194.598.761.466
- Nguyên giá	212		262.634.286.925	270.010.356.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(73.529.378.370)	(75.411.595.346)
2. Tài sản cố định vô hình	217	11	123.829.658.225	118.788.946.978
- Nguyên giá	218		125.032.171.866	119.936.171.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1.202.513.641)	(1.147.224.888)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		219.992.094.987	275.146.206.387
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	12	128.578.337.600	158.578.337.600
2. Đầu tư vào công ty con	223	13	14.318.727.139	14.318.727.139
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	14	86.898.215.000	116.898.215.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229		(9.803.184.752)	(14.649.073.352)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	72.635.157.346	53.857.005.579
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		7.339.157.735	7.600.931.815
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		1.339.157.735	1.600.931.815
V. Chi phí trả trước dài hạn	243		2.135.086.171	779.524.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	243		2.135.086.171	779.524.673
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		2.351.637.527.907	2.072.455.339.135

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DNBH
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		1.588.975.570.584	1.223.537.197.749
I. Nợ ngắn hạn	310		360.652.317.245	158.503.781.601
1. Phải trả người bán	313	16	200.052.440.048	33.794.297.715
2. Người mua trả tiền trước	314		1.323.586.427	2.764.914.539
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	17	12.495.989.944	32.284.190.427
4. Phải trả công nhân viên	316		47.024.267.374	44.134.695.774
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318		83.720.088.621	33.991.071.964
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		16.035.944.831	11.534.611.182
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	18	1.228.199.474.539	1.064.915.637.348
1. Dự phòng phí	331		802.575.196.006	764.803.824.907
2. Dự phòng bồi thường	333		331.664.586.539	199.935.336.484
3. Dự phòng dao động lớn	334		93.959.691.994	100.176.475.957
III. Nợ khác	340		123.778.800	117.778.800
1. Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	342		123.778.800	117.778.800
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	19	762.661.957.323	848.918.141.386
I. Nguồn vốn, quỹ	410		762.661.957.323	848.918.141.386
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		699.510.566.000	699.543.825.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	414		34.382.737.951	29.482.360.082
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		25.732.985.429	25.717.966.557
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		3.035.667.943	94.173.989.747
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		2.351.637.527.907	2.072.455.339.135

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DNBH
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	30/6/2013	31/12/2012
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	463.942.014.190	361.617.408.664
2. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Phí nhận tái bảo hiểm	2.006.788.620	76.412.345.360
Thu hoàn hoa hồng nhận tái	550.812.886	241.954.199
Chi bồi thường nhận tái	1.094.714.140	13.181.084.546
Chi hoa hồng nhận tái	459.042.498	19.248.059.374
Chi hoàn phí nhận tái	2.479.516.590	1.021.011.584
3. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Chi phí nhượng tái	11.008.867.034	16.758.122.681
Chi hoàn hoa hồng nhượng tái	1.492.797.582	1.928.718.344
Chi hoàn thu bồi thường nhượng tái	2.084.555.798	283.897.104
Thu hoa hồng nhượng tái	3.336.608.277	5.061.462.238
Thu bồi thường nhượng tái	5.015.222.954	5.469.739.463
Thu hoàn phí nhượng tái	407.493.908	2.206.284.692
Thuế nhà thầu hoạt động nhượng tái	159.695	30.833.046


Phạm Thị Nương
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 8 năm 2013


Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng


Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 02A-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		986.925.569.155	950.384.094.995
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		156.079.944.865	64.309.900.763
3. Các khoản giảm trừ	03		270.879.373.584	224.886.644.564
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		265.242.030.127	220.634.414.646
- Hoàn phí nhận tái	05		729.118.924	349.471.147
- Hoàn hoa hồng nhượng tái	06		1.269.678.850	965.028.613
- Hoàn phí bảo hiểm gốc	07		3.638.545.683	2.937.730.158
4. Tăng dự phòng phí	08	18	37.771.371.099	24.733.482.539
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		64.559.201.259	59.694.864.472
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		5.424.149.938	5.700.003.947
- Thu khác nhận tái bảo hiểm	11		-	1.218.673.181
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		4.925.784.366	3.390.986.390
- Thu khác (dại lý, giám định...)	13		498.365.572	1.090.344.376
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01 + 02 - 03 - 08 + 09 + 10)	14		904.338.120.534	830.468.737.074
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		427.479.174.531	432.233.492.050
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		62.699.153.883	41.866.350.476
10. Các khoản giảm trừ	17		118.920.588.193	85.170.849.141
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		116.523.042.717	82.486.058.617
- Thu đòi người thứ ba	19		763.565.714	1.324.528.674
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		1.633.979.762	1.360.261.850
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21		371.257.740.221	388.928.993.385
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	18	15.000.000.000	-
13. Tăng dự phòng bồi thường	23	18	131.729.250.055	14.966.293.873
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24	18	8.783.216.037	23.824.900.986
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		143.437.027.048	113.597.082.762
15.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		106.313.548.713	95.407.635.513
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		87.512.922.433	80.871.370.113
- Chi giám định tổn thất	28		9.600.903.908	9.748.365.649
- Chi đòi người thứ ba	29		1.316.763.832	162.324.000
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	31		4.727.272	-
- Chi để phòng hạn chế tổn thất	32		7.130.806.565	4.248.185.329
- Chi khác	33		747.424.703	377.390.422
15.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		37.123.478.335	18.189.447.249
- Chi hoa hồng	35		37.123.478.335	18.189.447.249
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 21 - 22 + 23 + 24 + 25)	41		640.207.233.360	541.317.271.006
17. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		264.130.887.174	289.151.466.068
18. Chi phí bán hàng	43		157.651.492.373	141.661.421.533
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		178.189.766.867	146.051.119.732
20. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(71.710.372.066)	1.438.924.803

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MÃ SỐ B 02A-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	20	70.876.770.958	78.134.582.756
22. Chi phí hoạt động tài chính	47	21	(2.881.923.435)	8.957.201.913
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		73.758.694.393	69.177.380.843
24. Thu nhập hoạt động khác	52		1.087.080.317	13.327.552.792
25. Chi phí hoạt động khác	53		101.962.200	13.807.115.905
26. Lợi nhuận/(lỗ) hoạt động khác	54		985.118.117	(479.563.113)
27. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55		3.033.440.444	70.136.742.533
28. Điều chỉnh (giảm) lợi nhuận chịu thuế	56		(5.519.969.100)	(4.050.635.716)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế			(6.011.369.100)	(4.651.235.716)
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ			491.400.000	600.600.000
29. (Lỗ)/Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		(2.486.528.656)	66.086.106.817
30. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	23	-	16.521.526.704
31. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		3.033.440.444	53.615.215.829

Phạm Thị Nương
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng



Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	842.597.736.172	744.962.348.651
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	252.433.836.899	179.302.926.871
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	872.733.030	619.550.768
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	430.166.937.412	451.952.327.924
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(383.682.877.221)	(388.359.043.616)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(81.520.094.670)	(76.426.978.389)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(9.484.225.046)	(26.243.731.088)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(81.489.123.154)	(79.283.814.951)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(78.406.328.333)	(76.826.257.109)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(740.277.462.090)	(621.659.063.054)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(91.927.946.528)	(79.958.785.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	59.283.186.471	28.079.480.062
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	413.208.654.901	733.777.275.000
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	68.413.171.975	86.979.625.760
3. Tiền thu do bán tài sản cố định	23	477.272.728	14.000.000
4. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong kỳ	24	(829.305.850.071)	(672.768.668.406)
5. Tiền mua tài sản cố định	25	(3.810.858.764)	(4.223.764.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(351.017.609.231)	143.778.467.806
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	116.888.910	27.805.281
2. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35	(33.259.000)	-
3. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(32.161.296.360)	(81.402.746.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.077.666.450)	(81.374.940.819)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(323.812.089.210)	90.483.007.049
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	737.123.801.444	398.039.595.738
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	413.311.712.234	488.522.602.787


Phạm Thị Nương
Người lập biểu


Nguyễn Văn Học
Kê toán trưởng


Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (gọi tắt là "Tổng Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (gọi tắt là "Công ty"), là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 1873/GP-UB ngày 08 tháng 6 năm 1995 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp với thời gian hoạt động là 25 năm bắt đầu từ năm 1995. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 06/TC/GCN ngày 27 tháng 5 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với số vốn điều lệ ban đầu là 53 tỷ đồng. Ngày 15 tháng 4 năm 2004, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC12/KDBH cho phép bổ sung vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 060256 cho phép bổ sung vốn điều lệ là 140 tỷ đồng.

Ngày 07 tháng 4 năm 2008, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC22/KDBH chấp thuận vốn điều lệ là 335.099.010.000 đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC23/KDBH chấp thuận vốn điều lệ là 709.742.180.000 đồng.

Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/GP/KDBH đổi tên thành Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO.

Ngày 25 tháng 3 năm 2013, Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC01/KDBH đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch HOSE với mã chứng khoán là PGI.

Số vốn thực góp của cổ đông của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	<u>Theo Giấy phép hoạt động</u>		Số vốn thực góp đến ngày 30/6/2013 (VND)
	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	363.283.200.000	51,2%	363.283.200.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.232.000.000	10,0%	71.232.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	42.739.200.000	6,0%	42.739.200.000
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	62.373.280.000	8,8%	62.373.280.000
Công ty Vật tư và Thiết bị toàn bộ	21.369.600.000	3,0%	21.369.600.000
Công ty Điện tử Hà Nội	7.089.240.000	1,0%	7.089.240.000
Cổ đông khác	141.655.660.000	20,0%	141.655.660.000
Cộng	709.742.180.000	100%	709.742.180.000
Cổ phiếu quỹ	(13.728.564.000)		(13.728.564.000)
Thặng dư vốn cổ phần	3.496.950.000		3.496.950.000
Tổng cộng	699.510.566.000		699.510.566.000

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.700 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.600 người).

Tổng Công ty có Văn phòng chính tại tầng 21, tòa nhà Mipec, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và 49 công ty thành viên trực thuộc.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các Công ty thành viên trực thuộc Tổng Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở cộng hợp các báo cáo tài chính của các công ty thành viên và báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty sau khi bù trừ công nợ và giao dịch nội bộ.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng bán niên này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới ban hành nhưng chưa áp dụng về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

Hướng dẫn mới ban hành nhưng chưa áp dụng về chế độ kế toán Doanh nghiệp bảo hiểm

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC ("Thông tư 232") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin quan trọng khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính riêng trong tương lai của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, dự phòng bồi thường và chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét và trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	(Số năm)	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	20
Phương tiện vận tải	6 - 7	6 - 7
Thiết bị văn phòng và TSCĐ hữu hình khác	3	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Trong đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lỗ đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao, phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản góp vốn cổ phần, cho vay được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có tổn thất tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nghiệp vụ

Việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty trong kỳ được thực hiện như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Được tính bằng 25% phí giữ lại trong kỳ đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phân trách nhiệm giữ lại của Tổng Công ty.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng theo tỷ lệ bằng 3% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 3985/BTC-QLBH ngày 02 tháng 4 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 3985/BTC-QLBH ngày 02 tháng 4 năm 2013 về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 "Hợp đồng Bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 và Thông tư số 125/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được sử dụng để bồi thường khi có dao động lớn về tổn thất hoặc tổn thất lớn xảy ra mà tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả tiền bồi thường đối với phân trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty thực hiện tính số chỉ từ dự phòng dao động lớn theo từng loại nghiệp vụ. Tổng số dự phòng dao động lớn được Tổng Công ty sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2013 là 15.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát hành hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn giá trị gia tăng được phát hành khi đơn bảo hiểm có hiệu lực và đã thu được tiền, hoặc đã đến hạn thanh toán mà Tổng Công ty chưa thu được tiền nhưng đánh giá rằng có thể thu được phí bảo hiểm. Các đơn bảo hiểm Tổng Công ty cho khách hàng nợ phí nhưng sau đó khách hàng không nộp phí theo đúng thoả thuận được xem là chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và Tổng Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các đơn bảo hiểm này.

Doanh thu nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm xác nhận và gửi cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Tổng Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện ước tính hoa hồng nhượng tái trên cơ sở hợp đồng, tỷ lệ hoa hồng nhượng tái và ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2013. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận hoa hồng nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường. Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường. Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở thực thu được của doanh thu theo quy định của Bộ Tài chính với các khoản doanh thu phát sinh được khai thác qua đại lý bảo hiểm. Các chi phí khác được ghi nhận khi phát sinh.

Dựa trên Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính về "hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài", Tổng Công ty ghi nhận chi phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Tổng Công ty với các nhà nhận tái bảo hiểm. Đối với những phần chưa có đối chiếu xác nhận với nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện ước tính phí nhượng tái trên cơ sở hợp đồng, tỷ lệ nhượng tái và ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2013. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc thực hiện ghi nhận chi phí nhượng tái này là phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh bảo hiểm hiện nay và không ảnh hưởng trọng yếu đối với kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 của Tổng Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế hoãn lại nào trên báo cáo tài chính được soát xét này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng (i)	776.673.867.954	360.878.564.444
Cho vay ngắn hạn (ii)	51.740.225.397	51.740.225.397
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	84.710.816.736	54.710.816.736
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(21.946.339.233)	(26.058.187.377)
	891.178.570.854	441.271.419.200

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất tiền gửi từ 6%/năm đến 12%/năm.

(ii) Là các khoản tiền cho vay ngắn hạn với lãi suất từ 10%/năm đến 12%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	103.349.473.589	100.840.978.969
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	62.293.960.527	4.902.762.567
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	118.716.240.609	2.038.969.319
Phải thu hoạt động tài chính	51.301.692.174	52.331.704.724
	335.661.366.899	160.114.415.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu về tạm ứng bồi thường	24.084.552.180	31.637.529.920
Phải thu khác	11.675.555.086	11.213.006.072
	35.760.107.266	42.850.535.992

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự phòng phải thu phí bảo hiểm gốc	16.547.958.429	15.133.691.449
Dự phòng phải thu cho vay quá hạn (i)	1.577.227.506	1.577.227.506
	18.125.185.935	16.710.918.955

(i) Đối với các khoản đầu tư cho vay quá hạn: Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho tại thời điểm cuối kỳ kế toán chủ yếu là giá trị của vật phẩm khuyến mại phát sinh trong kỳ tồn trong kho và tồn tại các đại lý chưa được sử dụng để khuyến mại cho khách hàng.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	169.305.890.892	64.056.900.098	36.084.591.622	562.974.200	270.010.356.812
Tăng trong kỳ	5.647.450.940	2.055.620.909	2.149.982.048	12.864.546	9.865.918.443
Giảm trong kỳ (i)	(1.025.390.289)	(1.470.028.627)	(14.684.874.868)	(61.694.546)	(17.241.988.330)
Tại ngày 30/6/2013	173.927.951.543	64.642.492.380	23.549.698.802	514.144.200	262.634.286.925
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	19.220.765.388	34.790.995.437	20.940.228.915	459.605.606	75.411.595.346
Khấu hao trong kỳ	3.259.401.411	3.508.948.725	2.965.571.262	12.482.045	9.746.403.443
Giảm trong kỳ (i)	(87.921.799)	(1.374.578.205)	(10.125.573.174)	(40.547.241)	(11.628.620.419)
Tại ngày 30/6/2013	22.392.245.000	36.925.365.957	13.780.227.003	431.540.410	73.529.378.370
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	151.535.706.543	27.717.126.423	9.769.471.799	82.603.790	189.104.908.555
Tại ngày 31/12/2012	150.085.125.504	29.265.904.661	15.144.362.707	103.368.594	194.598.761.466

(i) Các tài sản giảm trong kỳ chủ yếu là do xử lý giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của các tài sản cố nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn VND	Quyền sử dụng đất không kỳ hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	18.291.043.442	101.532.848.424	112.280.000	119.936.171.866
Tăng trong kỳ	4.898.909.091	197.090.909	-	5.096.000.000
Tại ngày 30/6/2013	23.189.952.533	101.729.939.333	112.280.000	125.032.171.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	1.034.944.888	-	112.280.000	1.147.224.888
Trích khấu hao trong kỳ	55.288.753	-	-	55.288.753
Tại ngày 30/6/2013	1.090.233.641	-	112.280.000	1.202.513.641
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2013	22.099.718.892	101.729.939.333	-	123.829.658.225
Tại ngày 31/12/2012	17.256.098.554	101.532.848.424	-	118.788.946.978

12. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu	63.578.337.600	63.578.337.600
Đầu tư trái phiếu	65.000.000.000	95.000.000.000
	128.578.337.600	158.578.337.600

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH MTV Cứu hộ PJICO Hải Phòng (i)	14.318.727.139	14.318.727.139
	14.318.727.139	14.318.727.139

(i) Công ty TNHH Một thành viên Cứu hộ PJICO Hải Phòng được thành lập ngày 01 tháng 5 năm 2012 tại Hải Phòng với ngành nghề kinh doanh chính là: Đại lý ô tô; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, ... Tổng Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty TNHH MTV Cứu hộ PJICO Hải Phòng.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trên 12 tháng	50.000.000.000	80.000.000.000
Bất động sản đầu tư (i)	3.843.690.000	3.843.690.000
Công ty Liên doanh TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong (ii)	33.054.525.000	33.054.525.000
	86.898.215.000	116.898.215.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất được đầu tư tại Công ty Bảo hiểm PJICO Quảng Bình với mục đích để bán trong tương lai.
- (ii) Căn cứ theo Hợp đồng liên doanh ngày 25 tháng 02 năm 2005 giữa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex), Công ty TNHH PB Tankers và Tổng Công ty về việc hợp tác liên doanh góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong, tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong vốn điều lệ của Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong là 4.500.000 USD tương đương với 15%. Số vốn thực góp của Tổng Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 78.820.650.000 đồng (tương đương 4.500.000 USD) chiếm 15% vốn điều lệ. Trong năm 2010, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của mình tại Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong cho Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội tương ứng với số tiền 3.000.000 USD (tương đương 53.589.000.000 đồng) theo giá gốc và không phát sinh lãi/lỗ từ việc chuyển nhượng vốn. Trong năm 2011 và 2012, Tổng Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong với số tiền tương ứng là 2.063.000.000 đồng và 5.759.875.000, chiếm 5% vốn điều lệ.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Văn phòng Công ty	55.712.224.795	41.630.012.145
Chi nhánh Vũng Tàu	118.684.500	20.000.000
Chi nhánh Vĩnh Phúc	762.990.000	326.367.273
Chi nhánh Long An	2.019.112.542	-
Chi nhánh Kiên Giang	317.249.618	2.624.500.156
Chi nhánh Sóc Trăng	450.643.633	355.189.088
Chi nhánh Bình Dương	120.833.773	120.833.773
Chi nhánh Tây Ninh	748.605.092	356.936.819
Chi nhánh Quảng Ninh	3.580.490.470	3.062.153.600
Chi nhánh Yên Bái	3.557.741.700	1.644.932.728
Chi nhánh Lâm Đồng	39.000.000	1.500.000.000
Chi nhánh Quảng Nam	1.696.652.164	1.309.684.643
Chi nhánh Đồng Nai	3.094.844.989	651.052.201
Chi nhánh khác	416.084.070	255.343.153
	72.635.157.346	53.857.005.579

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	5.081.572.277	4.117.152.036
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	15.210.627.083	-
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	179.760.240.688	29.677.145.679
	200.052.440.048	33.794.297.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11.072.525.702	7.505.849.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20.969.185.195
Thuế nhà đất	2.804.208	-
Thuế thu nhập đại lý	1.254.310.041	2.219.330.762
Thuế thu nhập cá nhân	158.628.275	1.448.763.274
Thuế nhà thầu	-	122.339.795
Thuế khác	7.721.718	18.721.718
	12.495.989.944	32.284.190.427

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2012	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ (i)	30/6/2013
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí (i)	764.803.824.907	37.771.371.099	-	802.575.196.006
Dự phòng bồi thường (ii)	199.935.336.484	131.729.250.055	-	331.664.586.539
Dự phòng dao động lớn (iii)	100.176.475.957	8.783.216.037	15.000.000.000	93.959.691.994
	1.064.915.637.348	178.283.837.191	15.000.000.000	1.228.199.474.539

(i) Thể hiện số tiền chi từ quỹ dự phòng dao động lớn Tổng Công ty đã sử dụng theo hướng dẫn tại Khoản c Điều 8 Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về "Quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm". Theo đó, Tổng Công ty thực hiện tính số chi từ dự phòng dao động lớn theo từng loại hình nghiệp vụ bảo hiểm.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã sử dụng 15 tỷ đồng từ quỹ dự phòng dao động lớn để bù đắp cho các khoản chi bồi thường tổn thất của nghiệp vụ xe cơ giới phải chi trả trong kỳ.

(ii) Dự phòng bồi thường tăng trong kỳ ngoài phần trích lập dự phòng bồi thường cho từng hồ sơ tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm đã được khách hàng khiếu nại (số tiền 106.147.892.055 đồng), còn bao gồm phần trích dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR) (số tiền 25.581.358.000 đồng).

Số dự phòng cho tổn thất đã xảy ra nhưng khách hàng chưa thông báo này được tính bằng 3% phí giữ lại trong 6 tháng đầu năm 2013 theo Công văn số 3985/BTC-QLBH ngày 02 tháng 4 năm 2013 đã được Bộ Tài chính chấp thuận (năm 2012, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường cho tổn thất chưa thông báo theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1394/BTC-QLBH ngày 06 tháng 02 năm 2009 với số tiền 768.290.110 đồng). Tỷ lệ trích lập dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo trong 6 tháng đầu năm 2013 là phù hợp với quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

(iii) Dự phòng dao động lớn tăng trong kỳ là phần được trích lập bằng 1% phí giữ lại trong 6 tháng đầu năm 2013 theo Công văn số 3985/BTC-QLBH ngày 02 tháng 4 năm 2013 đã được Bộ Tài chính chấp thuận (năm 2012 trích 3% phí giữ lại trong năm 2012 với số tiền 48.066.782.587 đồng). Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn trong 6 tháng đầu năm 2013 là phù hợp với quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DNBH

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	699.543.825.000	1.032.349.400	24.305.296.252	20.832.607.560	98.366.440.267	844.080.518.479
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	99.209.067.104	99.209.067.104
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	5.177.063.830	4.885.358.997	(12.945.776.364)	(2.883.353.537)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(90.303.795.400)	(90.303.795.400)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá 2011	-	(1.032.349.400)	-	-	-	(1.032.349.400)
Thuế nộp bổ sung sau quyết toán với cơ quan thuế	-	-	-	-	(151.945.860)	(151.945.860)
Tại ngày 31/12/2012	699.543.825.000	-	29.482.360.082	25.717.966.557	94.173.989.747	848.918.141.386
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.033.440.444	3.033.440.444
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	-	4.900.377.869	15.018.872	(9.612.902.919)	(4.697.506.178)
Cổ phiếu quỹ	(33.259.000)	-	-	-	-	(33.259.000)
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	(83.357.349.600)	(83.357.349.600)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.201.509.729)	(1.201.509.729)
Tại ngày 30/6/2013	699.510.566.000	-	34.382.737.951	25.732.985.429	3.035.667.943	762.661.957.323

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2013/NQ-DHĐCD ngày 05 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty thực hiện phân chia các quỹ: Quỹ dự trữ bất buộc, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền tương ứng là 4.900.377.869 đồng (trong đó: số đã tạm trích quỹ dự trữ bất buộc trong năm 2012 là: 4.885.358.997 đồng, số trích bổ sung năm 2013 là: 15.018.872 đồng), 4.900.377.869 đồng, 4.697.506.178 đồng và chia cổ tức với tỷ lệ 12% vốn điều lệ từ lợi nhuận năm 2012 tương đương với số tiền 83.357.349.600 đồng. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, số cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt là 32.161.296.360 đồng, số cổ tức chưa chi trả với số tiền là 51.196.053.240 đồng được theo dõi trên Tài khoản 338 - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	30/6/2013	31/12/2012
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.974.218	70.974.218
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.974.218	70.974.218
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1.513.970	1.509.760
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.513.970	1.509.760
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.460.248	69.464.458
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.460.248	69.464.458

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Chi tiết Nguồn vốn kinh doanh như sau:	Số tiền thực góp tại ngày 30/6/2013	Số tiền thực góp tại ngày 31/12/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	709.742.180.000	709.742.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.496.950.000	3.496.950.000
Cổ phiếu quỹ	(13.728.564.000)	(13.695.305.000)
	699.510.566.000	699.543.825.000

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	12.402.353.447	9.914.707.938
Doanh thu từ cho vay	3.088.611.110	4.645.866.667
Doanh thu từ tiền gửi có kỳ hạn	51.827.337.803	61.488.376.874
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.558.468.598	2.085.631.277
	70.876.770.958	78.134.582.756

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư cổ phiếu	(6.356.253.360)	(2.085.163.646)
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng cho vay.	(2.559.319.444)	2.717.452.903
Chi phí khác	6.033.649.369	8.324.912.656
	(2.881.923.435)	8.957.201.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Chi phí trực tiếp kinh doanh bảo hiểm	640.207.233.360	541.317.271.006
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.082.510.910	5.392.286.304
Chi phí nhân công	105.375.627.530	94.349.799.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.559.363.156	8.321.745.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.939.721.008	157.640.500.178
Chi phí khác	35.884.036.636	22.008.209.830
	976.048.492.600	829.029.812.271

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	3.033.440.444	70.136.742.533
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (i)	6.011.369.100	4.651.235.746
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (ii)	491.400.000	600.600.000
Lợi nhuận tính thuế	(2.486.528.656)	66.086.106.817
Thuế suất thuế TNDN thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	-	16.521.526.704
Tổng thuế thu nhập phát sinh trong kỳ	-	16.521.526.704

(i) Thu nhập không chịu thuế được điều chỉnh cho các khoản thu nhập từ lãi cổ tức được chia.

(ii) Các khoản chi phí không được khấu trừ là khoản chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Công ty.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu tạm tính. Tổng Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh bảo hiểm, các khoản đầu tư vào lĩnh vực khác kinh doanh khác là không đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong cùng một khu vực địa lý cũng như cùng phạm vi môi trường kinh tế. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	457.104.073.945	510.192.549.980
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	762.661.957.323	803.558.006.364
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	205.337.784.402	174.588.139.387
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	100.220.098.976	118.777.316.997
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	219.387.572.594	198.876.838.785
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	219.387.572.594	198.876.838.785
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	142.875.689.253	126.836.749.470
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	237.716.501.351	311.315.711.193
Theo tỷ lệ phần trăm	208,35%	256,54%

26. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	26,15	25,82
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	73,85	74,18
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	67,57	59,78
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	32,43	40,22
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,48	1,67
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	4,82	9,53
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,62	7,73
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,31	7,61
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,31	5,82
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,13	3,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,13	2,68
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,40	6,67

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty là phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	413.311.712.234	737.123.801.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	353.296.288.230	186.254.032.616
Đầu tư ngắn hạn	891.178.570.854	441.271.419.200
Đầu tư dài hạn	205.673.367.848	260.827.479.248
Tài sản tài chính khác	1.575.165.800	9.244.011.615
Tổng cộng	1.865.035.104.966	1.634.720.744.123
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	281.383.704.183	64.342.356.441
Dự phòng bồi thường và chi phải phải trả	331.664.586.539	199.935.336.484
Công nợ tài chính khác	123.778.800	117.778.800
Tổng cộng	613.172.069.522	264.395.471.725

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

- Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, ... Nếu giá cổ phiếu đầu tư giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm khoảng 11,8 tỷ đồng.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, ... Khoản đầu tư vào công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 18.125.185.953 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2012 là: 16.710.918.955 đồng).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền gốc chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	413.311.712.234	-	413.311.712.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	353.296.288.230	-	353.296.288.230
Đầu tư ngắn hạn	891.178.570.854	-	891.178.570.854
Đầu tư dài hạn	-	205.673.367.848	205.673.367.848
Tài sản tài chính khác	1.575.165.800	-	1.575.165.800
Tổng cộng	1.659.361.737.118	205.673.367.848	1.865.035.104.966
30/6/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	281.383.704.183	-	281.383.704.183
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	331.664.586.539	-	331.664.586.539
Công nợ tài chính khác	-	123.778.800	123.778.800
Tổng cộng	613.048.290.722	123.778.800	613.172.069.522
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.046.313.446.396	205.549.589.048	1.251.863.035.444
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	737.123.801.444	-	737.123.801.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	186.254.032.616	-	186.254.032.616
Đầu tư ngắn hạn	441.271.419.200	-	441.271.419.200
Đầu tư dài hạn	-	260.827.479.248	260.827.479.248
Tài sản tài chính khác	1.643.079.800	7.600.931.815	9.244.011.615
Tổng cộng	1.366.292.333.060	268.428.411.063	1.634.720.744.123
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	64.342.356.441	-	64.342.356.441
Dự phòng bồi thường và chi phí phải trả	199.935.336.484	-	199.935.336.484
Công nợ khác	-	117.778.800	117.778.800
Tổng cộng	264.277.692.925	117.778.800	264.395.471.725
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.102.014.640.135	268.310.632.263	1.370.325.272.398

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ("Petrolimex"):

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc <i>Petrolimex</i>	134.177.022.077 71.441.126.719	163.375.296.197 99.173.972.137
<i>Các đơn vị thành viên Petrolimex</i>	62.735.895.358	64.201.324.060
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc <i>Petrolimex</i>	9.236.864.202 100.649.270	31.593.430.661 7.244.516.455
<i>Các đơn vị thành viên Petrolimex</i>	9.136.214.932	24.348.914.206
Đầu tư vào công ty con	-	14.318.727.139
	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng	1.387.982.000	1.010.441.000
<i>Số dư với bên liên quan:</i>		
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu Petrolimex	5.874.207.182	9.738.423.280
Phải thu các đơn vị thành viên Petrolimex	5.737.448.590	5.846.134.337

29. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài, nếu các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2005. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, thuế nhà thầu được áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

Tuy nhiên, theo Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, đối với các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ năm 2005 đến năm 2008 và trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định.

Hiện tại, Tổng Công ty đã hoàn thiện bộ hồ sơ xin miễn thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại Công văn số 8667/BTC-TCT nói trên. Việc xác định số thuế phải nộp từ năm 2008 trở về trước của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG NỢ TIÊM TÀNG (Tiếp theo)

Đối với thuế nhà thầu phát sinh trên chi phí nhượng tái ra nước ngoài của năm 2009, 2010, 2011 và hai tháng đầu năm 2012, Tổng Công ty mới tạm ghi nhận là một khoản phải trả khác do trong số các nhà thầu nước ngoài, đại đa số đều có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại nước có ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Các nhà thầu này đang làm thủ tục để được miễn thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế. Việc xác định số thuế phải nộp của năm 2009, 2010, 2011 và năm 2012 của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Tổng Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế nhà thầu phát sinh từ ngày 01 tháng 3 năm 2012 theo quy định tại Thông tư số 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính.

30. VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, Tổng Công ty đã nhận được Thông báo số 256/TB-TLVA của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án Công ty TNHH Xăng dầu Hàng không Việt Nam yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục hậu quả vụ tòn thất Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu ngày 16 tháng 10 năm 2008 với tổng số tiền đòi bồi thường là 25,626 tỷ đồng. Ngày 13 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO đã có đơn kháng cáo gửi Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao thành phố Hà Nội. Theo Bản án số 151/2011/KDTM-PT ngày 19 tháng 8 năm 2011 của Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao thành phố Hà Nội, Tòa phúc thẩm quyết định hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, sự việc vẫn chưa được giải quyết và Tòa án vẫn chưa có quyết định cuối cùng.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh cho bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh cho báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết - Công ty Liên doanh TNHH Kho Xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	33.054.525.000	(33.054.525.000)	-
Đầu tư dài hạn khác	83.843.690.000	33.054.525.000	116.898.215.000

Phạm Thị Nương
Người lập biểu

Nguyễn Văn Học
Kế toán trưởng

Đào Nam Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2013